

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi
1	2	3	4	5	6	7
	<b>TỔNG SỐ = (A+B+C)</b>			<b>137.599.872.294</b>	<b>58.284.540.375</b>	<b>503.470.316</b>
+	<i>Vốn trong nước</i>					
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi					
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước			137.599.872.294	58.284.540.375	503.470.316
I	<b>Giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b>			<b>27.772.531.634</b>	<b>1.150.000.000</b>	<b>-</b>
2	<b>Các hoạt động kinh tế</b>			<b>109.827.340.660</b>	<b>57.134.540.375</b>	<b>503.470.316</b>
A	<b>CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH NĂM 2025</b>			<b>37.639.760.154</b>	<b>6.700.000.000</b>	<b>-</b>
I	<b>Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung</b>			<b>19.937.265.817</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Mã ngành 070 - Giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b>			<b>19.937.265.817</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1.1	Sửa chữa, nâng cấp trường THCS Huyền Tụng, thành phố Bắc Kạn	KBNN khu vực VII - PGD số 4	8073025	14.822.000.000		
1.2	Trường Mầm non Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn (giai đoạn 3)	KBNN khu vực VII - PGD số 4	8034987	5.115.265.817		
II	<b>Nguồn vốn từ thu tiền sử dụng đất</b>			<b>15.185.265.817</b>	<b>6.700.000.000</b>	<b>-</b>
	<b>Mã ngành 070 - Giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b>			<b>7.835.265.817</b>	<b>1.150.000.000</b>	<b>-</b>
2.1	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Đức Xuân	KBNN khu vực VII - PGD số 4	8161499	2.720.000.000		
2.2	Trường Mầm non Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn (giai đoạn 3)	KBNN khu vực VII - PGD số 4	8034987	5.115.265.817	1.150.000.000	
	<b>Mã ngành 280 - Các hoạt động kinh tế</b>			<b>7.350.000.000</b>	<b>5.550.000.000</b>	<b>-</b>

2.3	Nâng cấp đường QL3 cũ đoạn qua tổ 1,2,3 phường Nguyễn Thị Minh Khai thành phố Bắc Kạn	KBNN khu vực VII - PGD số 4	7967230	7.350.000.000	5.550.000.000	
<b>III</b>	<b>Nguồn tài trợ</b>			<b>2.517.228.520</b>	-	-
	<b>Mã ngành 280 - Các hoạt động kinh tế</b>			<b>2.517.228.520</b>	-	-
3.1	Quy hoạch phân khu N7 - khu vực đô thị trung tâm phía Đông thành phố Bắc Kạn, tỷ lệ 1/2000	KBNN khu vực VII - PGD số 4	8088021	1.414.696.020		
3.2	Quy hoạch phân khu N3 - khu vực đô thị trung tâm phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn, tỷ lệ 1/2000	KBNN khu vực VII - PGD số 4	8088020	1.102.532.500		
<b>B</b>	<b>CÁC DỰ ÁN KHÔNG GHI KHV NĂM 2025 CÒN DƯ VỐN TẠM ỨNG CHƯA THU HỒI TỪ CÁC NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG NĂM QUYẾT TOÁN</b>			<b>99.222.112.140</b>	<b>51.289.540.375</b>	<b>503.470.316</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn thu tiền sử dụng đất</b>			<b>97.099.847.140</b>	<b>50.912.986.775</b>	<b>126.916.716</b>
	<b>Mã ngành 280 - Các hoạt động kinh tế</b>			<b>97.099.847.140</b>	<b>50.912.986.775</b>	<b>126.916.716</b>
1.1	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	KBNN khu vực VII - PGD số 4	7851058	97.099.847.140	50.912.986.775	126.916.716
<b>II</b>	<b>Nguồn tiết kiệm chi</b>			<b>2.122.265.000</b>	<b>376.553.600</b>	<b>376.553.600</b>
	<b>Mã ngành 280 - Các hoạt động kinh tế</b>			<b>2.122.265.000</b>	<b>376.553.600</b>	<b>376.553.600</b>
2.1	Quy hoạch phân khu N2 - khu vực đô thị trung tâm phường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn, tỷ lệ 1/2000	KBNN khu vực VII - PGD số 4	8090518	1.019.732.500	85.553.600	85.553.600
1.4	Quy hoạch phân khu N3 - khu vực đô thị trung tâm phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn, tỷ lệ 1/2000	KBNN khu vực VII - PGD số 4	8088020	1.102.532.500	291.000.000	291.000.000
<b>C</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA</b>			<b>738.000.000</b>	<b>295.000.000</b>	-
<b>1</b>	<b>Nguồn vốn ngân sách TW</b>			<b>369.000.000</b>	<b>295.000.000</b>	-
	<b>Mã ngành 280 - Chi các hoạt động kinh tế</b>			<b>369.000.000</b>	<b>295.000.000</b>	-
a	Đường giao thông nông thôn Tổ Khuổi Pái, phường Huyền Tung	KBNN khu vực VII - PGD số 4	8119849	369.000.000	295.000.000	
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn Cân đối ngân sách địa phương</b>			<b>369.000.000</b>	-	-
	<b>Mã ngành 280 - Chi các hoạt động kinh tế</b>			<b>369.000.000</b>	-	-

a	Đường giao thông nông thôn Tổ Khuổi Pái, phường Huyền Tụng	KBNN khu vực VII - PGD số 4	8119849	369.000.000		
---	--	--------------------------------------	---------	-------------	--	--

**T TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TH**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 28/3/2026 của H*

Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán KLHT trong năm của quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ K/C đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thu ngân sang năm quyết toán				Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau quyết toán (nếu có)
		Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			
			Tổng số	Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng	
8	9	10	11=12+13	12	13	14
<b>79.530.000</b>	<b>423.940.316</b>	<b>1.356.146.400</b>	<b>1.343.111.295</b>	<b>1.343.111.295</b>	-	-
79.530.000	423.940.316	1.356.146.400	1.343.111.295	1.343.111.295	-	-
-	-	-	-	-	-	-
79.530.000	423.940.316	1.356.146.400	1.343.111.295	1.343.111.295	-	-
-	-	588.000.000	588.000.000	588.000.000	-	-
-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-

				-		
-	-	<b>588.000.000</b>	<b>588.000.000</b>	<b>588.000.000</b>	-	-
-	-	<i>588.000.000</i>	<i>588.000.000</i>	<i>588.000.000</i>	-	-
		588.000.000	588.000.000	588.000.000		
				-		
<b>79.530.000</b>	<b>423.940.316</b>	<b>694.146.400</b>	<b>694.146.400</b>	<b>694.146.400</b>	-	-
<b>79.530.000</b>	<b>47.386.716</b>	-	-	-	-	-
<i>79.530.000</i>	<i>47.386.716</i>	-	-	-	-	-
79.530.000	47.386.716		-			
-	<b>376.553.600</b>	<b>694.146.400</b>	<b>694.146.400</b>	<b>694.146.400</b>	-	-
-	<i>376.553.600</i>	<i>694.146.400</i>	<i>694.146.400</i>	<i>694.146.400</i>	-	-
	85.553.600	536.646.400	536.646.400	536.646.400		
	291.000.000	157.500.000	157.500.000	157.500.000		
-	-	<b>74.000.000</b>	<b>60.964.895</b>	<b>60.964.895</b>	-	-
-	-	<b>54.000.000</b>	<b>54.000.000</b>	<b>54.000.000</b>	-	-
-	-	<i>54.000.000</i>	<i>54.000.000</i>	<i>54.000.000</i>	-	-
		54.000.000	54.000.000	54.000.000		
-	-	<b>20.000.000</b>	<b>6.964.895</b>	<b>6.964.895</b>	-	-
-	-	<i>20.000.000</i>	<i>6.964.895</i>	<i>6.964.895</i>	-	-

		20.000.000	6.964.895	6.964.895		
--	--	------------	-----------	-----------	--	--

**EO NĂM NGÂN SÁCH 2025 (NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUẢN LÝ)***ội đồng nhân dân phường Đức Xuân)*

ợc hiện và giải	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán					
Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)
		Tổng số	Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng		
15=10-11-14	16	17=18+19	18	19	20	21=16-17-20
<b>13.035.105</b>	<b>13.206.200.000</b>	<b>13.142.960.977</b>	<b>13.142.960.977</b>	-	<b>30.587.731</b>	<b>32.651.292</b>
<i>13.035.105</i>	<i>13.206.200.000</i>	<i>13.142.960.977</i>	<i>13.142.960.977</i>	-	<i>30.587.731</i>	<i>32.651.292</i>
-	<i>11.804.000.000</i>	<i>11.740.943.977</i>	<i>11.740.943.977</i>	-	<i>30.587.731</i>	<i>32.468.292</i>
<i>13.035.105</i>	<i>1.402.200.000</i>	<i>1.402.017.000</i>	<i>1.402.017.000</i>	-	-	<i>183.000</i>
-	<b>13.206.200.000</b>	<b>13.142.960.977</b>	<b>13.142.960.977</b>	-	<b>30.587.731</b>	<b>32.651.292</b>
-	<b>7.443.000.000</b>	<b>7.410.875.500</b>	<b>7.410.875.500</b>	-	-	<b>32.124.500</b>
-	<i>7.443.000.000</i>	<i>7.410.875.500</i>	<i>7.410.875.500</i>	-	-	<i>32.124.500</i>
-	5.943.000.000	5.910.875.500	5.910.875.500			32.124.500
-	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000			-
-	<b>5.016.000.000</b>	<b>4.984.885.477</b>	<b>4.984.885.477</b>	-	<b>30.587.731</b>	<b>526.792</b>
-	<i>4.361.000.000</i>	<i>4.330.068.477</i>	<i>4.330.068.477</i>	-	<i>30.587.731</i>	<i>343.792</i>
-	2.720.000.000	2.689.412.269	2.689.412.269		30.587.731	-
-	1.641.000.000	1.640.656.208	1.640.656.208			343.792
-	<b>655.000.000</b>	<b>654.817.000</b>	<b>654.817.000</b>	-	-	<b>183.000</b>

-	655.000.000	654.817.000	654.817.000			183.000
-	<b>747.200.000</b>	<b>747.200.000</b>	<b>747.200.000</b>	-	-	-
-	<i>747.200.000</i>	<i>747.200.000</i>	<i>747.200.000</i>	-	-	-
-	507.200.000	507.200.000	507.200.000			-
-	240.000.000	240.000.000	240.000.000			-
-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-
<b>13.035.105</b>	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-
<b>13.035.105</b>	-	-	-	-	-	-
<i>13.035.105</i>	-	-	-	-	-	-

13.035.105						-
------------	--	--	--	--	--	---

Mẫu số 03

Số vốn nộp điều chỉnh giảm hoàn trả NSNN trong năm quyết toán do thực hiện kết luận của cơ quan thanh tra, KTNN...(không bao gồm số vốn đã nộp giảm trừ tại cột 8)	Tổng cộng vốn đã thanh toán KLHT được quyết toán trong quyết toán	Lũy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ K/C đến hết năm quyết toán
22	23=9+12+18	24=7-8-9+13+19	25=6-8+11+17
	<b>14.910.012.588</b>	-	<b>72.691.082.647</b>
	<i>14.910.012.588</i>	-	<i>72.691.082.647</i>
	<b>11.740.943.977</b>	-	<b>12.890.943.977</b>
-	<b>3.169.068.611</b>	-	<b>59.800.138.670</b>
-	<b>13.730.960.977</b>	-	<b>20.430.960.977</b>
	<b>7.410.875.500</b>	-	<b>7.410.875.500</b>
	<i>7.410.875.500</i>	-	<i>7.410.875.500</i>
	5.910.875.500	-	5.910.875.500
	1.500.000.000	-	1.500.000.000
	<b>4.984.885.477</b>	-	<b>11.684.885.477</b>
	<b>4.330.068.477</b>	-	<b>5.480.068.477</b>
	2.689.412.269	-	2.689.412.269
	1.640.656.208	-	2.790.656.208
	<b>654.817.000</b>	-	<b>6.204.817.000</b>

	654.817.000	-	6.204.817.000
	<b>1.335.200.000</b>	-	<b>1.335.200.000</b>
-	<i>1.335.200.000</i>	-	<i>1.335.200.000</i>
	1.095.200.000	-	1.095.200.000
	240.000.000	-	240.000.000
	<b>1.118.086.716</b>	-	<b>51.904.156.775</b>
	<b>47.386.716</b>	-	<b>50.833.456.775</b>
	<i>47.386.716</i>	-	<i>50.833.456.775</i>
	47.386.716	-	50.833.456.775
	<b>1.070.700.000</b>	-	<b>1.070.700.000</b>
-	<i>1.070.700.000</i>	-	<i>1.070.700.000</i>
	622.200.000	-	622.200.000
	448.500.000	-	448.500.000
	<b>60.964.895</b>	-	<b>355.964.895</b>
	<b>54.000.000</b>	-	<b>349.000.000</b>
	<i>54.000.000</i>	-	<i>349.000.000</i>
	54.000.000	-	349.000.000
	<b>6.964.895</b>	-	<b>6.964.895</b>
	<i>6.964.895</i>	-	<i>6.964.895</i>

	6.964.895	-	6.964.895
--	-----------	---	-----------